

THỬ ĐỀ XUẤT CÁC PHƯƠNG ÁN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC VÀ CAO ĐẲNG TẠI VIỆT NAM SAU NĂM 2010

• TS. VŨ THỊ PHƯƠNG ANH

Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh

Cho đến nay, đã có khá nhiều phương án được đề cập cho việc tuyển sinh từ năm 2010. Chẳng hạn, các trường có thể xét tuyển dựa trên kết quả của một số môn thi trong kì thi trung học phổ thông (THPT), có hoặc không có trọng số; tự tổ chức thêm kì thi tuyển sinh cho một số môn học để lấy kết quả xét tuyển; hoặc xét kết hợp điểm thi THPT và kết quả học tập ở THPT. Hai phương án có tính đổi mới hơn là sử dụng kết quả của một kì thi theo kiểu SAT* để bổ sung thêm căn cứ xét tuyển; và cuối cùng là ghi danh tự do cho mọi đối tượng đã hoàn tất THPT.

Tất cả các phương án vừa nêu đều đã và đang được áp dụng ở nơi này hay nơi khác trên thế giới. Vấn đề đặt ra cho Việt Nam hiện nay là nên chọn phương án hoặc tập hợp các phương án nào, và tại sao? Bài viết này nhằm giới thiệu các nhóm yếu tố thường được xem xét trong chính sách tuyển sinh của các trường đại học trên thế giới, phân tích mục tiêu mà các yếu tố này nhắm đến, trên cơ sở đó đề xuất một phương án tuyển sinh đại học và cao đẳng từ năm 2010 tại Việt Nam.

Các nhóm yếu tố được xem xét trong các chính sách tuyển sinh trên thế giới

Có 4 nhóm yếu tố thường được xem xét khi xây dựng một hệ thống tuyển sinh đại học trên thế giới: (1) kết quả của các kì thi, (2) kết quả học tập ở trung học phổ thông; (3) hồ sơ xin học, và (4) các yếu tố dân số như giới tính, dân tộc, tuổi tác, và điều kiện kinh tế - xã hội của người học. Mỗi nhóm yếu tố được sử dụng nhằm đạt những mục tiêu khác nhau.

1. Kết quả của các kì thi

Đây là nhóm yếu tố được sử dụng phổ biến nhất trong mọi hệ thống tuyển sinh trên thế giới. Các kì thi được sử dụng gồm thi tốt nghiệp THPT; thi tuyển sinh đại học; và kì thi chuẩn hóa (standardised test, tương tự như SAT của Hoa Kỳ), trong đó hai kì thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh

đại học là phổ biến hơn cả. Kì thi chuẩn hóa có thể nói là sản phẩm đặc thù của nền giáo dục Hoa Kỳ và hiện cũng đang được một số quốc gia chịu ảnh hưởng của giáo dục Hoa Kỳ và có điều kiện tương tự Hoa Kỳ áp dụng.

Mỗi kì thi nêu trên nhắm đến một mục tiêu khác nhau; tuy nhiên hai kì thi tốt nghiệp THPT và tuyển sinh đại học có nhiều điểm chung vì đều dựa vào chương trình học ở trung học phổ thông. Thi tốt nghiệp THPT nhằm xác nhận người học đã đạt mức tối thiểu của trình độ THPT, còn thi tuyển sinh đại học nhằm chọn lọc những người có kiến thức và kĩ năng tốt nhất trong các thí sinh. Kì thi chuẩn hóa theo kiểu SAT trái lại thường không dựa vào các kiến thức và kĩ năng đã được cung cấp trong chương trình đào tạo ở THPT, mà hoặc có tính đặc thù hoặc tổng quát hơn, nhằm đánh giá khả năng thành công của thí sinh khi vào học ở bậc đại học.

Do khác nhau về mục tiêu nên các kì thi nêu trên cũng thuộc thẩm quyền quản lí của các cơ quan khác nhau. Thi tốt nghiệp THPT thường do nhà nước (có thể ở cấp quốc gia hoặc cấp địa phương) quản lí, nhằm bảo đảm giáo viên và học sinh hoàn tất mọi yêu cầu tối thiểu của chương trình đào tạo. Thi tuyển sinh đại học thường do chính trường đại học thực hiện để lấy kết quả làm cơ sở ra quyết định về việc lựa chọn thí sinh trong trường hợp số chỗ học ít hơn số người muốn học. Ở một số quốc gia trên thế giới, tuyển sinh đại học cũng do nhà nước quản lí, đặc biệt là đối với hệ thống giáo dục đại học công, vì có sử dụng ngân sách nhà nước. Trong khi đó, kì thi chuẩn hóa là một hoạt động chuyên môn có tính dịch vụ nhằm giúp người học chứng minh khả năng học tập của mình, vì vậy thường do các tổ chức khảo thí chuyên nghiệp thực hiện. Các tổ chức này thường độc lập với cơ quan quản lí nhà nước, và có thể thuộc các trường đại học (ví dụ: ĐH Cambridge của Anh, hoặc ĐH Michigan của

* SAT (Scholastic Assessment Test): Một trong những kì thi chuẩn hóa cho việc đăng kí vào một số trường Đại học tại Mỹ.

Hoa Kỳ), hoặc cũng có thể nằm ngoài các trường. Việc sử dụng kết quả của kì thi này như một căn cứ để xét tuyển tùy thuộc vào sự lựa chọn của từng trường dựa trên giá trị của chính các kì thi này trong việc giúp nhà trường lựa chọn được thí sinh tốt nhất để đào tạo.

Việc sử dụng kì thi nào trong phương án tuyển sinh hoàn toàn tùy thuộc vào mục tiêu và điều kiện của từng quốc gia cũng như từng trường đại học cụ thể. Những quốc gia phát triển như nhiều nước ở Châu Âu hoặc các nước Bắc Mỹ, nơi có một hệ thống giáo dục phổ thông có chất lượng tốt và có đầy đủ chỗ học ở đại học cho mọi người thì hầu như chỉ cần kì thi tốt nghiệp THPT; việc có thêm một kì thi tuyển sinh hoặc kì thi chuẩn hóa là vấn đề thuận tiện chuyên môn và vì vậy sẽ do từng trường quyết định. Tuy nhiên, ở các hệ thống giáo dục đại học có sự phân biệt rõ ràng giữa đại học công (được nhà nước đầu tư và thường có chất lượng cao hơn) và đại học tư (người học đóng học phí và chất lượng thường kém hơn các đại học công) như ở Nhật Bản, Hàn Quốc thì sự cạnh tranh vào trường đại học công vẫn hết sức gay gắt; vì vậy, các kì thi thực sự có vai trò gác cổng (gatekeeping) và việc tổ chức thêm một hoặc thậm chí thêm nhiều kì thi khác sau kì thi TN THPT rõ ràng là điều cần thiết để loại bớt những thí sinh mà các trường không có khả năng để nhận.

2. Kết quả học tập ở trung học phổ thông

Các kì thi lớn dù có được tổ chức nghiêm túc đến đâu, và dù có tổ chức bao nhiêu kì thi đi nữa, cũng chỉ đánh giá được phần nào kiến thức và năng lực của một học sinh, mà chủ yếu là kiến thức sách vở và năng lực hàn lâm. Trong khi đó, việc quá nhấn mạnh vào các kì thi có vai trò gác cổng như trên là nguyên nhân dẫn đến những tiêu cực trong thi cử, làm mất hoàn toàn ý nghĩa của việc tổ chức thi, chưa kể sự căng thẳng đối với người học và gia đình, sự tốn kém công sức và tiền bạc của toàn xã hội, v.v... Vì vậy, ở một số nước tiên tiến trên thế giới, thay vì tổ chức nhiều kì thi tốn kém để lấy kết quả tuyển sinh, các trường đại học có thể sử dụng kết quả học tập ở bậc phổ thông (xét học bạ) để kết hợp hoặc độc lập đánh giá khả năng thành công ở bậc đại học của các ứng viên.

Sử dụng kết quả học tập ở bậc phổ thông để xét tuyển vào đại học là một cách làm tiên tiến về nhiều mặt. Trước hết, cách làm này thể hiện quan điểm phát triển, vì học bạ cho phép nhìn

nhận sự năng lực của người học qua suốt một quá trình, chứ không chỉ ở điểm cuối, giúp phát hiện những học sinh có nỗ lực cải thiện, có năng khiếu hoặc sự say mê đặc biệt đối với ngành học, và thông qua các nhận xét của giáo viên có thể cho phép bộc lộ tính cách lẫn các mối quan hệ của học sinh trong suốt thời gian học tập ở bậc phổ thông. Điều này sẽ cho phép các trường đại học có được quyết định đúng đắn hơn đối với quá trình tuyển sinh.

Bên cạnh đó, việc xem xét kết quả ở bậc phổ thông trong quá trình tuyển sinh cũng thể hiện quan điểm dân chủ và hợp tác trong giáo dục. Với cách làm này, quyền đánh giá người học đã được các trường đại học trao về cho các giáo viên phổ thông, là những người trực tiếp giáo dục và có thể tạo ra những thay đổi quan trọng ở học sinh. Việc xem xét học bạ ở phổ thông ở đầu vào và sau đó theo dõi quá trình học ở bậc đại học của một sinh viên sẽ tạo ra sự liên mạch trong quá trình giáo dục từ trung học lên đại học, đồng thời cũng tạo điều kiện cho quá trình hợp tác giữa trường đại học và trường phổ thông trong quá trình giáo dục.

Tuy có những ưu điểm như vậy, song việc xét học bạ trong tuyển sinh thường không được sử dụng phổ biến ở những nước đang phát triển vốn không có một nền giáo dục đại học đại chúng. Điều này là do sự thiếu thống nhất về quan điểm đánh giá khiến kết quả tại các trường trung học phổ thông có thể rất khác nhau và không thể so sánh để tạo cơ hội công bằng cho mọi người, trong điều kiện không có đủ chỗ học cho mọi người muốn học. Tại một nước như Việt Nam với nhiều rất nhiều bất cập, thiếu thốn trong giáo dục phổ thông, nơi có được tấm bằng đại học vẫn hầu như là cánh cửa vào đời duy nhất đối với thanh niên, thì việc xét tuyển vào đại học bằng kết quả học tập ở bậc phổ thông cần phải thực sự cân nhắc trước khi sử dụng, và nhất thiết phải kết hợp với những yếu tố khác có tính khách quan hơn như các kì thi đã nêu ở phần trên.

3. Hồ sơ xin học

Học bạ ở phổ thông chỉ bao gồm những thông tin về người học do các giáo viên và nhà trường cung cấp, trong khi hồ sơ xin học còn có những thông tin do chính người học cung cấp. Thông thường, trong hồ sơ xin học ngoài học bạ còn có thêm những thông tin sau đây về người học: lí lịch tự thuật, các thành tích cá nhân riêng biệt, quá trình làm việc (nếu có), thư tự giới thiệu

nêu lí do chọn trường và mục tiêu của việc học, và một hoặc nhiều thư giới thiệu của những người có khả năng đánh giá tính cách và năng lực của người học (chẳng hạn các giáo viên, hiệu trưởng trường trung học, các cơ quan, tổ chức bên ngoài nhà trường đã từng tiếp xúc hoặc làm việc với ứng viên).

Sử dụng hồ sơ xin học như một yếu tố để xét tuyển là một bước tiến xa hơn của quá trình dân chủ hóa và hợp tác trong giáo dục. Nếu việc xét học bạ cho phép giáo viên và trường trung học phổ thông tham gia vào việc đánh giá người học thì hồ sơ xin học cho phép người học tự xây dựng hình ảnh về năng lực của chính mình thông qua các thông tin do mình chọn lọc và cung cấp. Một hồ sơ xin học với đầy đủ các thành phần như vừa nêu không chỉ cho thấy học lực của người học mà còn cho phép đánh giá về khả năng diễn đạt, lập luận và thuyết phục, quan điểm và sự trưởng thành, sự say mê đối với ngành học của người học v.v...

Cách làm này vì vậy rất phù hợp với một số ngành đặc thù đòi hỏi sự đam mê hoặc/ và kinh nghiệm cũng như bản lĩnh của người học, đặc biệt là những người học ngoài lứa tuổi truyền thống, là những điều rõ ràng không thể bộc lộ qua những điểm số trong học bạ hoặc kết quả của những kì thi. Điểm bất lợi lớn nhất của cách làm này là nếu số lượng thí sinh quá lớn thì quá trình đọc và xét hồ sơ sẽ đòi hỏi khá nhiều thời gian và công sức của trường đại học. Ngoài ra, một bất lợi khác là các ứng viên không thành công thường không có điều kiện để biết lí do của sự thất bại của mình để cải thiện khi cần.

4. Các yếu tố dân số

Ba nhóm yếu tố vừa nêu – thi cử, học bạ, hồ sơ xin học – chủ yếu liên quan đến năng lực, đặc biệt là năng lực trí tuệ, chứ không liên quan đến các yếu tố về nhân thân của người học, như giới tính, tuổi tác, nhóm xã hội, địa phương v.v... Điều này là cần thiết để đảm bảo sự công bằng trong việc lựa chọn theo nguyên tắc người có năng lực cao nhất sẽ có cơ hội cao nhất. Tuy nhiên, xét ở góc độ xã hội, các nhóm đối tượng thiệt thòi (dân tộc thiểu số, nữ giới, dân cư vùng sâu vùng xa, các nhóm có thu nhập thấp v.v...) sẽ luôn có nguy cơ bị loại cao hơn các nhóm khác, dẫn đến sự bất bình đẳng kéo dài cho các đối tượng này. Ngoài ra, sự đa dạng (diversity) về mặt dân số của người học cũng là một điều kiện cần thiết để tạo một môi trường phát triển toàn diện cho sinh

viên trong các trường đại học. Chính vì vậy, các yếu tố dân số cũng thường được xem xét như một yếu tố bổ sung trong phương án tuyển sinh của nhiều trường đại học trên thế giới.

Việc xem xét các yếu tố dân số trong việc tuyển chọn ứng viên vào trường đại học có thể do chính nhà trường quyết định, hoặc do các chính sách xã hội chung của nhà nước. Ở Hoa Kỳ và một số nước tiên tiến khác, các trường có thể tuyên bố trước các "định mức" (quota) về tỉ lệ phần trăm nữ giới hoặc dân tộc thiểu số sẽ được ưu tiên tuyển vào trường để khuyến khích các đối tượng này tham gia dự tuyển. Khi xét tuyển, các đối tượng này sẽ được xét riêng theo thứ tự từ trên xuống dưới trong cùng nhóm, nhưng không xét chung với các nhóm không ưu tiên, để đảm bảo luôn tuyển đủ chỉ tiêu đã định.

Khi sử dụng các yếu tố dân số trong tuyển sinh, cần nhớ rằng công bằng xã hội sẽ không thể đạt được nếu như các ứng viên được ưu tiên xét tuyển không có khả năng thành công trong quá trình học. Vì vậy, việc xét tuyển theo các yếu tố dân số luôn kèm theo ít nhất là 1 trong các yêu cầu sau: (1) ứng viên phải có được năng lực tối thiểu để tham gia chương trình (ví dụ: đã tốt nghiệp THPT ở mức trung bình khá trở lên); (2) nhà trường có điều kiện và kế hoạch để hỗ trợ sinh viên diện ưu tiên khi đã được chọn vào học để đảm bảo sự thành công của sinh viên; (3) nhà trường có chính sách giúp sinh viên "có lối thoát" khi có nguy cơ không thể hoàn tất chương trình trong hạn định (vd: cho phép chuyển sang ngành học phù hợp hơn, chuyển xuống trình độ thấp hơn, cho phép tạm ngưng và quay trở lại học khi có điều kiện v.v...). Trong 3 yêu cầu vừa nêu, yêu cầu cuối cùng là điều tối thiểu mà một trường phải thực hiện được cho các đối tượng ưu tiên, và điều này không khó vì chỉ điều kiện cần duy nhất là có một hệ thống đào tạo theo tín chỉ với các chính sách liên thông rõ ràng để giải quyết yêu cầu cuối cùng này.

Thử đề xuất các phương án tuyển sinh sau năm 2010

Do các trường và các ngành đào tạo có các mục tiêu và yêu cầu khác nhau nên không thể có một phương án tuyển sinh tối ưu chung cho tất cả mọi người, mà cần thiết phải có phân biệt giữa các nhóm trường/ngành khác nhau. Điều này cũng tạo điều kiện cho việc đẩy mạnh phân tầng (stratification) giáo dục đại học ở Việt Nam, vốn là điều hết sức cần thiết trong quá trình đại

chúng hóa giáo dục đại học trên toàn thế giới hiện nay.

Trên cơ sở các nhóm yếu tố đã nêu, có thể đề xuất 3 phương án tuyển sinh cho các nhóm trường/ ngành, các đối tượng ưu tiên, và các hệ đào tạo đặc biệt từ năm 2010 như sau:

1. Nhóm 1: Các trường/ngành không đặc thù, không có tính cạnh tranh cao, và/ hoặc không sử dụng kinh phí của nhà nước: Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT và xét học bạ

Nhóm này bao gồm đa số các trường trung học chuyên nghiệp, cao đẳng công lập và ngoài công lập, các trường đại học tư thục, và một số trường đại học công thuộc khối ngành xã hội (bao gồm cả kinh tế-luật) và nhân văn (trừ ngoại ngữ).

Đối với nhóm này, phương án tốt nhất là xét tuyển trên cơ sở các môn thi tốt nghiệp THPT kết hợp với học bạ THPT. Việc xét học bạ THPT có thể thực hiện ngay từ khi học sinh đang ở học kì 2 của lớp 11 với kết quả sơ tuyển (thay thế cho việc đăng ký nguyện vọng hiện nay) được báo trước cho ứng viên vào khoảng cuối HK 1 năm lớp 12. Trên cơ sở các ứng viên đã được sơ tuyển, nhà trường có thể hình dung ra số lượng sinh viên tiềm năng của từng ngành đào tạo để chuẩn bị các điều kiện cần thiết cho năm học mới. Các ứng viên sẽ được nhận chính thức khi nộp kết quả kì thi tốt nghiệp THPT theo các yêu cầu cần đạt do nhà trường đưa ra.

Đa số các đối tượng ưu tiên sẽ được xét trong nhóm này tại các trường công lập (đặc biệt là các thí sinh khối C hiện nay), với tỉ lệ xét tuyển ưu tiên trong toàn bộ thí sinh được công bố trước cho mọi thí sinh biết. Việc xét tuyển phải xét theo nguyên tắc từ cao xuống thấp và xét riêng các đối tượng ưu tiên cho đến khi đủ chỉ tiêu.

2. Nhóm 2: Các trường/ngành đặc thù, có tính cạnh tranh cao, đòi hỏi năng lực/ năng khiếu đặc biệt của người học, và/ hoặc nhận được sự đầu tư đặc biệt của nhà nước: Sử dụng kết quả của kì thi tốt nghiệp THPT (có hoặc không kèm theo việc xét học bạ) và kết quả của một kì thi khác

Nhóm 2 gồm đa số các trường đại học công lập, đặc biệt là các đại học trọng điểm; các chương trình tiên tiến, tài năng, chất lượng cao, các chương trình liên kết với nước ngoài thuộc các trường đại học cả công lập và ngoài công lập, các ngành đòi hỏi phỏng thí nghiệm, thiết bị và điều kiện học tập đặc biệt như: Y, Nha, một số

ngành kĩ thuật, một số ngành học đặc thù/năng khiếu như mỹ thuật, kiến trúc, nhạc, họa, ngoại ngữ v.v....

Đối với nhóm này, việc sơ tuyển có thể thực hiện tương tự nhóm 1 với những điều kiện khắt khe hơn (vd: chỉ xét các học sinh đạt loại giỏi, hoặc học sinh thuộc các trường chuyên, trường trọng điểm, chương trình chất lượng cao v.v..). Tuy nhiên, sau khi có kết quả tốt nghiệp THPT theo các yêu cầu cần đạt do nhà trường đưa ra (thường ở mức cao hơn nhóm 1), nhất thiết phải có thêm một kì thi, hoặc là kì thi đầu vào do chính nhà trường tổ chức, hoặc là một kì thi chuẩn hóa (đặc thù hoặc tổng quát, theo kiểu SAT của Hoa Kỳ, hoặc O level của Anh) do một tổ chức khảo thí chuyên nghiệp trong hoặc ngoài nước tổ chức.

Do đây là nhóm ngành học đặc thù, đòi hỏi thí sinh phải năng lực/ năng khiếu tối thiểu để thành công, nên mức điểm đạt tối thiểu của kì thi này phải được xác định trước và công bố cho mọi thí sinh được biết để tự lượng sức. Tuy nhiên, việc trúng tuyển sẽ được xét từ trên xuống dưới đối với tất cả các trường hợp đạt điểm sàn.

Các đối tượng ưu tiên nếu muốn được xét trong nhóm này vẫn cần phải dự đầy đủ các kì thi và đạt mức điểm tối thiểu đã được công bố trước để đảm bảo khả năng thành công của thí sinh khi trúng tuyển. Việc xét tuyển cũng xét theo nguyên tắc từ cao xuống thấp và xét riêng các đối tượng ưu tiên cho đến khi đủ chỉ tiêu.

3. Nhóm 3: Các hệ đào tạo đặc biệt (hoàn thiện đại học, tại chức, đào tạo từ xa, văn bằng 2 v.v.): Xét hồ sơ xin học (ghi danh) kèm các yếu tố dân số

Đối tượng sinh viên được phép theo học các hệ đào tạo đặc biệt chỉ nên bao gồm các thí sinh ngoài độ tuổi truyền thống (18-24). Do đây là đối tượng đã hoàn toàn trưởng thành và thường đã có kinh nghiệm làm việc, nên hồ sơ xin học sẽ là căn cứ quan trọng nhất để phán đoán về khả năng thành công trong chương trình học. Ngoài hồ sơ xin học, các thí sinh này cũng cần có yêu cầu tối thiểu về trình độ (ví dụ: đã hoàn tất chương trình THPT).

Các yếu tố dân số đối với đối tượng này cũng rất quan trọng, không chỉ với mục đích ưu tiên mà chủ yếu để tạo một môi trường đa dạng trong học tập vốn rất cần thiết đối với đối tượng ở độ tuổi phi truyền thống. Ngoài ra, tùy yêu cầu của từng ngành học, nhà trường có thể yêu cầu

thí sinh cung cấp thêm kết quả của một kì thi chuẩn hóa được tổ chức nhiều lần trong năm để tạo điều kiện cho thí sinh theo học bất cứ khi nào đủ điều kiện.

Do điều kiện đầu vào khá mở nên việc quản lí đối với đối tượng này cần rất chặt chẽ thông qua việc kiểm tra thường xuyên trong quá trình học theo nguyên tắc mở rộng đầu vào, thắt chặt đầu ra. Đồng thời, do tiến độ học tập của các sinh viên sẽ rất đa dạng, nên một cơ chế quản lí linh hoạt là hết sức cần thiết. Ở đây, một lần nữa có thể thấy một hệ thống tín chỉ hoàn chỉnh, vận hành tốt, với các cơ chế liên thông được đảm bảo, là một điều kiện rất cần cho sự thành công của người học trong chương trình đào tạo.

Kết luận

Vai trò quan trọng của trường đại học trong nền kinh tế tri thức toàn cầu hiện nay không còn gì để bàn cãi. Nhưng để trường đại học thực sự là một động lực phát triển xã hội thì mọi chính sách có liên quan đến quá trình giáo dục đều cần được cân nhắc cẩn thận, trong đó tuyển sinh là khâu quan trọng đầu tiên. Và hai nguyên tắc quan trọng nhất trong việc xây dựng các chính sách của một ngành có liên quan đến tất cả mọi người - ngành giáo dục là phải xem xét quyền lợi của tất cả các bên có liên quan, và thực hiện trao quyền đầy đủ khi có điều kiện. Các đề xuất được đưa ra trong bài viết này, dựa trên kinh nghiệm thực tiễn

BỒI DƯỠNG HS...

(Tiếp theo trang 25)

học... Việc đánh giá cần tránh tạo thêm sự căng thẳng cho HS trong học tập.

- Nội dung đánh giá: chủ yếu tập trung vào việc khắc sâu, mở rộng những kĩ năng, kiến thức.

- Cách thức đánh giá: kiểm tra viết và vấn đáp ở những nội dung mở rộng hoặc học sâu một số kiến thức và kĩ năng; quan sát hoạt động học của HS trong các cuộc thi, trò chơi, hoạt động học tiếng Việt trong các hoạt động theo chủ điểm... để đưa ra nhận xét.

Hoạt động bồi dưỡng HS khá giỏi môn Tiếng Việt theo hướng dạy học tự chọn đã được thử nghiệm trong các năm học 2006-2007 và 2008-2009 ở một số trường tiểu học tại huyện Thanh Trì, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, một số lớp tiểu

của các nước trên thế giới, đã cố gắng tôn trọng các nguyên tắc nói trên, và hi vọng có thể chỉ ra được một số định hướng phù hợp để tiếp tục nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục đại học Việt Nam trong những năm sắp tới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2007). *Tài liệu Hội thảo - Tập huấn về thi năm 2008* (lưu hành nội bộ). Hà Nội, Cục Khảo thí và Đánh giá chất lượng đào tạo.
2. Cabrera, A. F., and K. R. Burkum (2001) *College Admission Criteria in the United States: An Overview*. Paper presented at Balance del sistema de acceso a la universidad (selectividad y modelos alternativos). Cátedra UNESCO de Gestión y Política Universitaria. Madrid, Spain.
3. Helms, R. M. (2008) *University Admission Worldwide*. Working Paper Series 15. Washington D.C., World Bank.
4. Oregon State Board of Higher Education (2007). *Undergraduate Admission Policy for 2008-2009 Academic Year*.

SUMMARY

This article describes the group of most often used policies in admission into universities worldwide, analyzes objectives of these factors and based upon that to propose a new admission mechanism for higher education from 2010 in Vietnam

học thuộc Trường phổ thông cơ sở Thực nghiệm của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đã có những kết quả được đánh giá tốt.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. PGS.TS Nguyễn Thị Hạnh (chủ nhiệm), *Dạy học tự chọn môn Tiếng Việt ở tiểu học nhằm đáp ứng yêu cầu dạy học phân hóa*, đề tài khoa học cấp Viện 2007, Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam.
2. Nguyễn Thị Hạnh, *Thực trạng và nhu cầu dạy học tự chọn môn Tiếng Việt ở tiểu học*, Tạp chí Giáo dục số 163, 5/2007.
3. *Luyện tập nâng cao Tiếng Việt 3 theo hướng dạy học tự chọn* (2 tập), Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam, 2008.

SUMMARY

The author addresses the need of tutoring for good and excellent students in Vietnamese language towards elective; scientific basis and forms for the tutoring.